

Thương mại hưởng lợi trong bối cảnh cạnh thẳng giữa Trung Quốc và EU

Vũ Việt Linh

Trưởng Phòng, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
linh.vuviet@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long

Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Trong tháng 9, kim ngạch xuất khẩu (KNXK) và kim ngạch nhập khẩu (KNNK) tăng chậm lại lần lượt ở mức 10,8% và 11,1% (so với tăng 15,2% và 14,7% trong tháng 8) do những gián đoạn gây ra bởi bão Yagi. Trong 9T đầu 2024, KNXK và KNNK tăng 15,4% và 17,3%.
- Trong tháng 10/2024, HSC dự báo KNXK và KNNK tăng nhanh lên lần lượt 13,9% và 14,8% do hoạt động sản xuất trở lại bình thường. Chúng tôi giữ nguyên dự báo KNXK và KNNK năm 2024 tăng trưởng lần lượt 15% và 17,5%.
- Vào đầu T10/2024, Trung Quốc áp đặt các biện pháp chống bán phá giá đối với rượu mạnh nhập khẩu từ EU. Mặc dù khó leo thang thành chiến tranh thương mại như giữa Mỹ và Trung Quốc, những căng thẳng gần đây là cơ hội cho Việt Nam giành thêm thị phần ở EU.

Tăng trưởng thương mại tháng 9/2024 giảm tốc do bão Yagi

Trong tháng 9/2024, KNXX và KNNK tăng chậm lại lần lượt ở mức 10,8% và 11,1% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 15,2% và 14,7% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024), cao hơn dự báo của chúng tôi là tăng lần lượt 7,5% và 9,7% so với cùng kỳ, do ảnh hưởng bão Yagi.

Tin chung 9T đầu 2024, KNXX và KNNK tăng lần lượt 15,4% và 17,3% so với cùng kỳ, so với giảm lần lượt 8,2% và 13,9% so với cùng kỳ trong 9T đầu năm 2023. Từ đó, thặng dư thương mại kể từ đầu năm đạt 20,8 tỷ USD (so với thặng dư 22,1 tỷ USD trong 9T đầu 2023).

HSC giữ nguyên dự báo KNXK và KNNK năm 2024

Trong tháng 10/2024, HSC dự báo KNXX và KNNK sẽ tăng nhanh lên lần lượt 13,9% và 14,8% so với cùng kỳ nhờ hoạt động sản xuất trở lại bình thường. Chúng tôi giữ nguyên dự báo KNXX và KNNK tăng trưởng lần lượt 15% và 17,5% trong năm 2024 (so với giảm lần lượt 4,6% và 9,2% trong năm 2023). Cho năm 2025, chúng tôi tiếp tục dự báo KNXX và KNNK đều tăng 12%.

Cảng thẳng Trung Quốc-EU gia tăng có thể hỗ trợ hoạt động thương mại của Việt Nam

Vào đầu tháng 10/2024, Trung Quốc đã áp đặt các biện pháp CBPG đối với rượu nhập khẩu từ EU, từ đó làm gia tăng căng thẳng giữa hai bên. EU cũng đang điều tra các khoản trợ cấp của Trung Quốc cho tấm pin mặt trời và tua-bin gió, trong khi Trung Quốc đang điều tra các khoản trợ cấp của EU đối với sữa & thịt lợn xuất khẩu, điều này có thể làm gia tăng căng thẳng thương mại giữa hai bên.

Mặc dù quan hệ EU và Trung Quốc khó có thể leo thang thành chiến tranh thương mại như giữa Mỹ và Trung Quốc, chúng tôi cho rằng những căng thẳng gần đây có thể sẽ là động lực tăng trưởng cho các sản phẩm made-in-Vietnam để giành thêm thị phần ở thị trường EU. Mặc dù hiệp định EVFTA đã có hiệu lực từ năm 2020 nhưng thị phần của Việt Nam trong KNNK của EU vẫn không có nhiều cải thiện cho đến thời điểm hiện tại.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 11/10.

Biểu đồ 1: Tổng quan hoạt động thương mại trong tháng 9/2024, Việt Nam

	Tỷ trọng 9T/2024	% so với cùng kỳ T7/24	T8/24	T9/24	Sv tháng trước T9/24	Biên độ tăng trưởng (%) -50 -40 -30 -20 -10 0 10 20 30 40 50 60 70 80 90 100
KNXX		20.2	15.2	10.8	-9.8	
KNNK		25.0	14.7	11.1	-5.9	
KNXX theo thị trường trọng điểm						
Trung Quốc	14.8	2.5	-1.6	-3.1	6.4	
EU	15.3	23.4	23.7	12.0	-14.1	
Mỹ	29.4	30.4	31.0	22.6	-15.9	
KNNK theo thị trường trọng điểm						
Trung Quốc	37.6	42.3	26.6	17.4	-5.8	
Hàn Quốc	14.9	22.7	-0.3	-4.9	-5.9	
Nhật Bản	5.8	13.4	-12.4	-7.5	-8.1	
KNXX theo các mặt hàng chủ chốt						
Máy tính, điện thoại & SP điện tử	34.5	20.5	9.3	2.1	-4.6	
Hàng dệt may, quần áo & da giày	17.5	14.3	16.3	14.7	-24.5	
Sản phẩm nông nghiệp	14.1	23.7	21.6	20.9	-8.6	
KNNK theo các mặt hàng chủ chốt						
Máy tính, điện thoại & SP điện tử	33.1	35.9	16.2	12.4	-0.3	
Máy móc & thiết bị	12.7	24.2	21.4	12.6	-11.0	
Kim loại & thép	8.7	30.3	19.6	12.4	-4.8	

Tăng so với tháng trước

Giảm so với tháng trước

Biên độ tăng giảm trong giai đoạn T1/2023 – T9/2024

T9/2024

Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cập nhật triển vọng thương mại hàng tháng

Cả KNXK và KNNK tháng 9/2024 đều tăng chậm lại do ảnh hưởng của bão Yagi. Trong tháng 9/2024, kim ngạch thương mại các sản phẩm CNTT tiếp tục suy yếu và không còn đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng thương mại. Trong khi đó, kim ngạch thương mại các sản phẩm máy móc và dệt may vẫn tích cực. Chúng tôi dự báo tăng trưởng KNXK và KNNK sẽ tăng tốc trong tháng 10/2024 do hoạt động sản xuất trở lại bình thường sau giai đoạn ảnh hưởng của bão. Chúng tôi giữ nguyên dự báo KNXK và KNNK tăng trưởng lần lượt 15% và 17,5% trong năm 2024.

Tăng trưởng thương mại tháng 9/2024 giảm tốc do bão Yagi

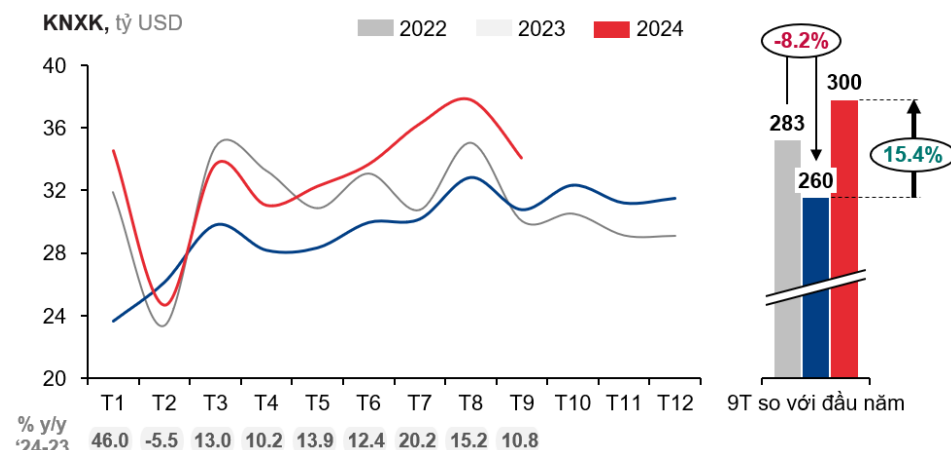
Trong tháng 9/2024, KNXK và KNNK tăng chậm lại lần lượt ở mức 10,8% và 11,1% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 15,2% và 14,7% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024) do gián đoạn gây ra bởi bão Yagi. Kết quả này cao hơn dự báo của chúng tôi (tăng lần lượt 7,5% và 9,7% so với cùng kỳ) (Mời xem: [Tăng trưởng thương mại đối diện nhiều thách thức trong 2025-2026](#), tháng 8/2024, HSC).

Tín chung 9 tháng đầu năm 2024, KNXK và KNNK tăng lần lượt 15,4% và 17,3% so với cùng kỳ, so với giảm lần lượt 8,2% và 13,9% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2023 (Biểu đồ 2 & 3).

Từ đó, thặng dư thương mại kể từ đầu năm đạt 20,8 tỷ USD (so với thặng dư 22,1 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2023).

Biểu đồ 2: KNXK hàng tháng

Trong T9, KNXK tăng chậm lại ở mức 10,8% svck (so với tăng 15,2% svck trong T8)

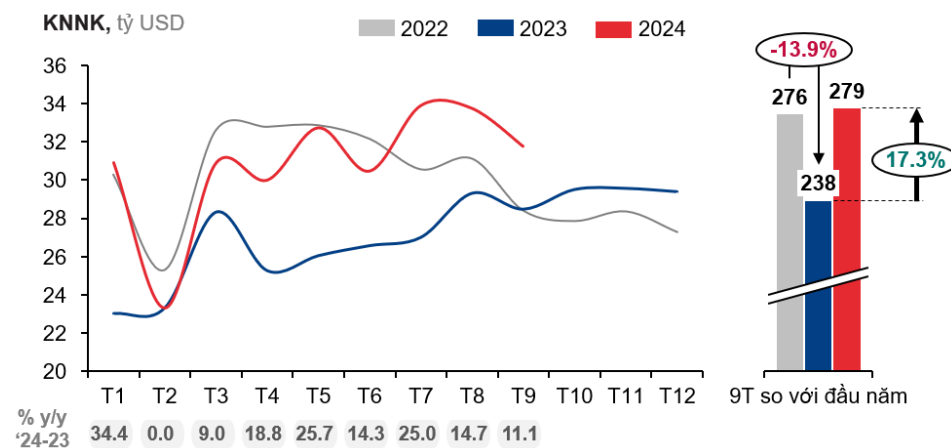


Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, KNXK đang cao hơn 6% so với cùng kỳ năm 2022.

Biểu đồ 3: KNNK hàng tháng

Trong tháng 9, KNNK giảm còn 11,1% svck (so với tăng 14,7% svck trong tháng 8)



Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, KNNK đang cao hơn 1% so với cùng kỳ năm 2022.

Mỹ tiếp tục là động lực tăng trưởng KNKK trong khi Trung Quốc vẫn đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng KNNK

Trong tháng 9/2024, KNKK sang Mỹ vẫn tăng trưởng tốt ở mức 22,6% so với cùng kỳ (so với tăng 31% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024) (Biểu đồ 4), nhờ các sản phẩm máy móc (tăng 28,9% so với cùng kỳ), CNTT (tăng 18,1% so với cùng kỳ) và dệt may (tăng 21,9% so với cùng kỳ) (Mời xem Biểu đồ 17 trong phần Phụ lục). Kể từ tháng 11/2023, thị trường Mỹ vẫn là thị trường đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng KNKK.

KNKK sang EU tăng chậm lại ở mức 12% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024 (so với tăng 23,7% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024), chủ yếu do (1) các sản phẩm máy móc tăng trưởng chậm lại và (2) KNKK các sản phẩm CNTT sụt giảm (Mời xem Biểu đồ 18 trong phần Phụ lục).

Trong khi đó, KNKK sang Trung Quốc vẫn ảm đạm, giảm 3,1% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024 (so với giảm 1,6% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024), do KNKK các sản phẩm CNTT sụt giảm (giảm 6,2% so với cùng kỳ) và (2) mức nền cao hơn (Mời xem Biểu đồ 19 trong phần Phụ lục).

Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn là thị trường đóng góp lớn nhất vào KNNK với KNNK từ thị trường này tăng 17,4% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024 (so với tăng 26,6% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024) (Biểu đồ 5).

Biểu đồ 4: KNKK theo thị trường trọng điểm

Trong tháng 9, thị trường Mỹ tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng KNKK

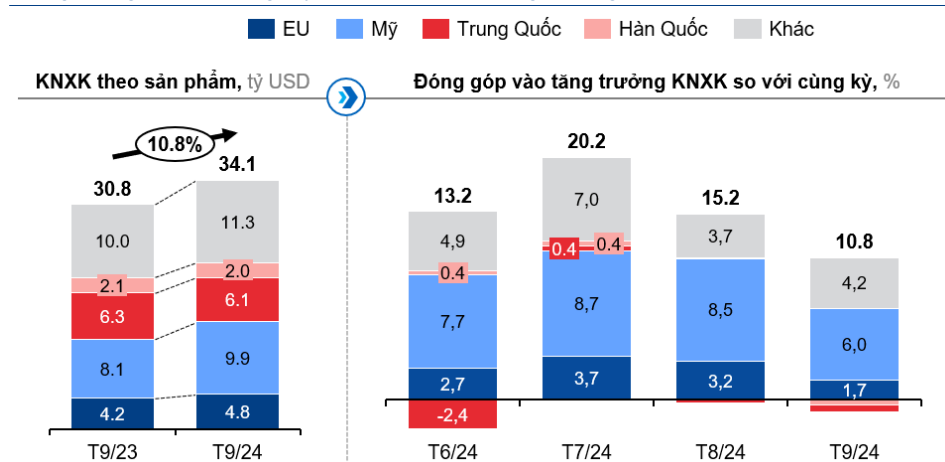
Theo thị trường trong 9T2024:

- Mỹ (+25,5% svck)
- EU (+18% svck)
- Trung Quốc (+2,9% svck)

So với:

Theo thị trường trong 9T2023:

- Mỹ (-17,6% svck)
- EU (-7,4% svck)
- Trung Quốc (+4,3% svck)



Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 5: KNNK theo thị trường trọng điểm

Thị trường Trung Quốc tiếp tục là động lực tăng trưởng KNNK trong tháng 9

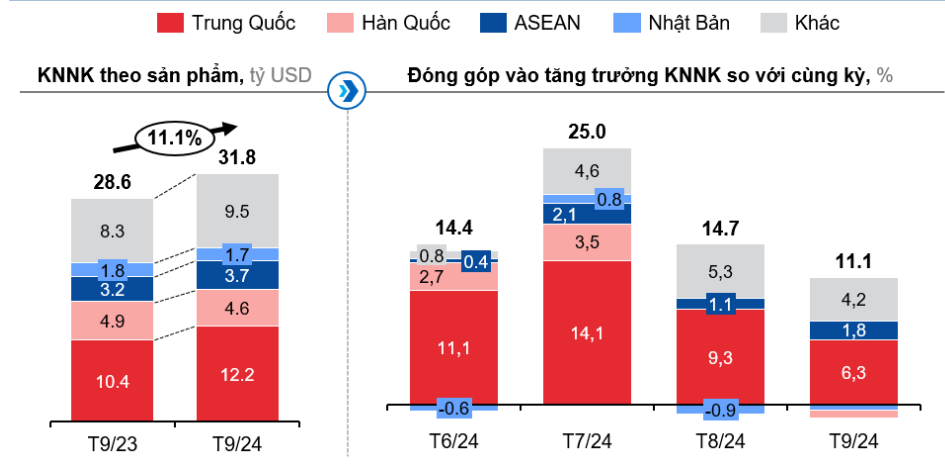
Theo thị trường trong 9T2024:

- Trung Quốc (+31,6% svck)
- ASEAN (+13% svck)
- Hàn Quốc (+8,1% svck)

So với:

Theo thị trường trong 9T2023:

- Trung Quốc (-12,9% svck)
- ASEAN (-15,5% svck)
- Hàn Quốc (-20,1% svck)



Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Các sản phẩm CNTT tiếp tục chứng lại trong tháng 9/2024

Tăng trưởng kim ngạch thương mại các sản phẩm CNTT tiếp tục giảm tốc trong tháng 9/2024 và không còn đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng thương mại. Cụ thể, KNXK và KNNK sản phẩm này tăng lần lượt 2,1% và 12,4% so với cùng kỳ trong T9/2024 (so với tăng lần lượt 9,3% và 16,2% svck trong T8/2024) (Biểu đồ 6 & 7).

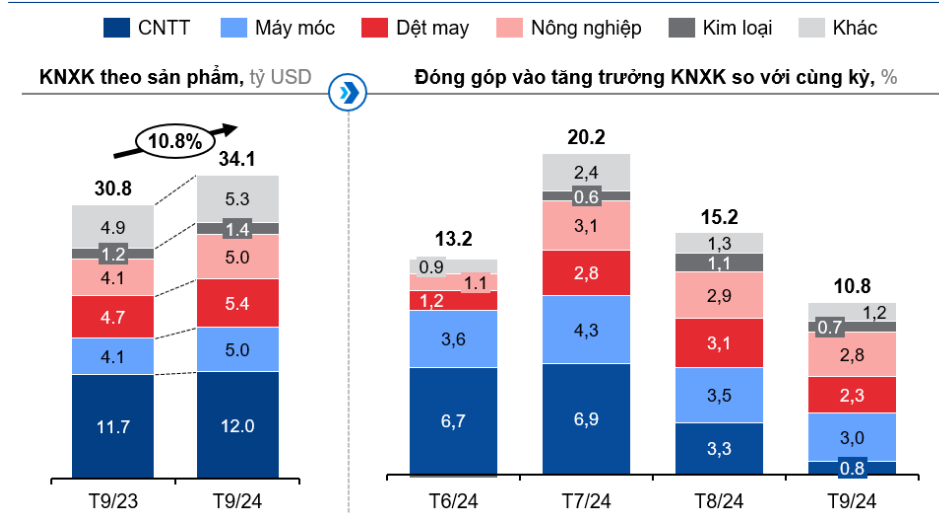
Thương mại sản phẩm CNTT giảm tốc do (1) mức nền cao hơn và (2) KNXK điện thoại sụt giảm (giảm lần lượt 8,3% và 8,8% svck trong T9 và T8/2024) (Mời xem Biểu đồ 19 trong phần Phụ lục). Theo chúng tôi, doanh số điện thoại thông minh của Apple và Samsung kém tích cực là một phần nguyên nhân (Mời xem: [Apple iPhone sales declining](#) và [Samsung Mobiles profit drops](#), tháng 10/2024, Pune News).

Thương mại sản phẩm máy móc vẫn tích cực trong T9 với KNXK và KNNK tăng 22,9% và 12,6% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 31,3% và 21,4% svck trong T8).

Tương tự, thương mại các mặt hàng liên quan đến dệt may trong tháng 9 tiếp tục tăng trưởng ổn định trong tháng thứ 3 liên tiếp với KNXK và KNNK tăng lần lượt 14,7% và 15,6% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 16,3% và 15,4% svck trong T8).

Biểu đồ 6: KNXK theo các sản phẩm chủ chốt

Máy móc, hàng dệt may & SP nông nghiệp duy trì tăng trưởng vững chắc trong tháng 9

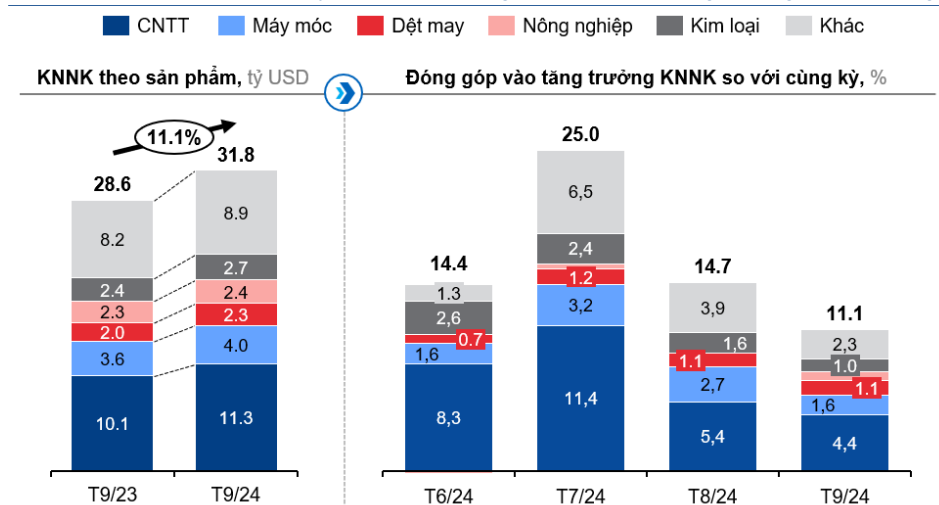


Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Nhóm sản phẩm CNTT bao gồm điện thoại, máy tính & SP điện tử
 Nhóm hàng dệt may chủ yếu gồm các sản phẩm dệt, may mặc, giày dép, sợi & vải
 Nhóm SP nông nghiệp chủ yếu gồm thủy sản, gạo, rau quả, gỗ, cà phê, v.v...
 Nhóm kim loại chủ yếu gồm kim loại thường, thép & các sản phẩm thép

Biểu đồ 7: KNNK theo các sản phẩm chủ chốt

Nhóm sản phẩm CNTT & máy móc vẫn là động lực chính của tăng trưởng KNNK tháng 9



Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Theo sản phẩm trong 9T2024:

- CNTT (+17,8% svck)
- Máy móc (+22,1% svck)
- Nông nghiệp (+20,7% svck)
- Dệt may (+9,7% svck)

So với:

Theo sản phẩm trong 9T2023:

- CNTT (-6,7% svck)
- Máy móc (-9,7% svck)
- Nông nghiệp (-5,9% svck)
- Dệt may (-15,4% svck)

Theo sản phẩm trong 9T2024:

- CNTT (+25% svck)
- Máy móc (+16,7% svck)
- Dệt may (+14,8% svck)
- Kim loại (+22,9% svck)

So với:

Theo sản phẩm trong 9T2023:

- CNTT (-13,3% svck)
- Máy móc (-17,5% svck)
- Dệt may (-18,1% svck)
- Kim loại (-17,4% svck)

HSC giữ nguyên dự báo KNXK và KNNK cho năm 2024

Trong tháng 10/2024, HSC dự báo KNXK và KNNK sẽ tăng nhanh lên lần lượt 13,9% và 14,8% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 10,8% và 11,1% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024) nhờ hoạt động sản xuất trở lại bình thường. Từ đó, thặng dư thương mại ước tính đạt 2,8 tỷ USD (Biểu đồ 8 & 9).

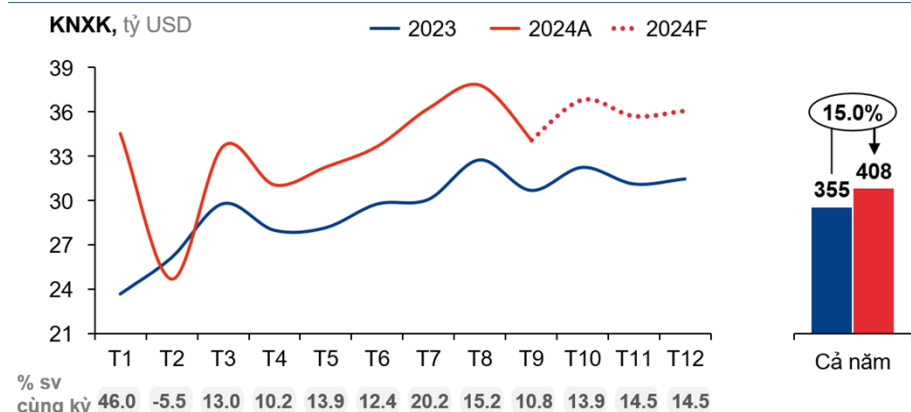
Chúng tôi giữ nguyên dự báo KNXK và KNNK tăng 15% và 17,5% trong 2024 (so với giảm lần lượt 4,6% và 9,2% trong 2023), tương đương thặng dư thương mại đạt 24,2 tỷ USD (so với thặng dư 28,4 tỷ USD trong 2023) (Biểu đồ 10).

Cho năm 2025, chúng tôi tiếp tục dự báo cả KNXK và KNNK đều tăng trưởng 12%, tương đương thặng dư thương mại đạt 27,1 tỷ USD (Biểu đồ 10).

Biểu đồ 8: Tổng hợp dự báo KNXK theo tháng

KNXK được dự báo sẽ tăng tốc lên 13,9% so với cùng kỳ trong tháng 10

Cho năm 2024, KNXK dự báo đạt 408 tỷ USD, tăng trưởng 15% so với năm 2023 và tăng trưởng 9,7% so với năm 2022.

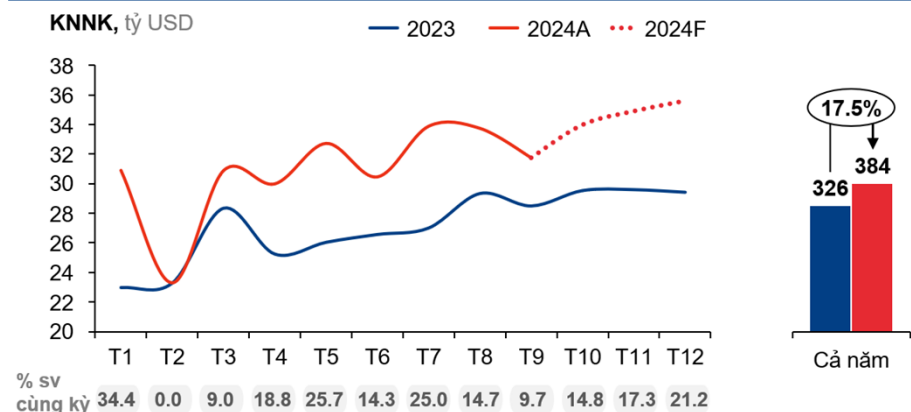


Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 9: Tổng hợp dự báo KNNK theo tháng

KNNK được dự báo sẽ tăng lên 14,8% so với cùng kỳ trong tháng 10

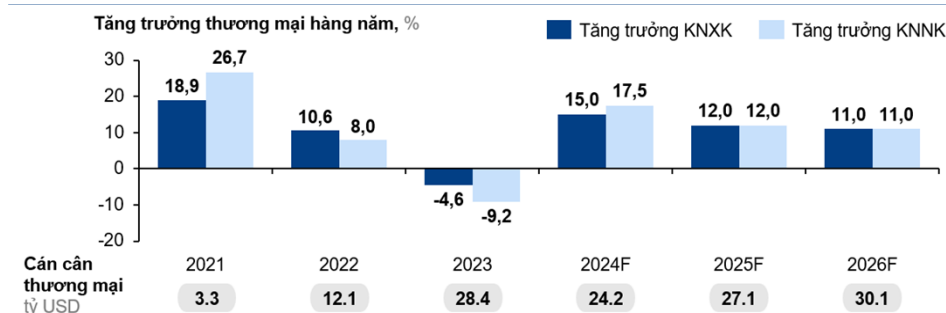
Cho năm 2024, KNNK dự báo đạt 370 tỷ USD, tăng trưởng 13,5% so với năm 2023 và tăng trưởng 6,7% so với năm 2022.



Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 10: Tổng hợp dự báo thương mại hàng năm

HSC tăng dự báo thương mại cho năm 2024 nhưng giữ nguyên dự báo cho năm 2025



Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Căng thẳng thương mại giữa Trung Quốc và EU có thể giúp nâng cao thị phần của Việt Nam ở EU

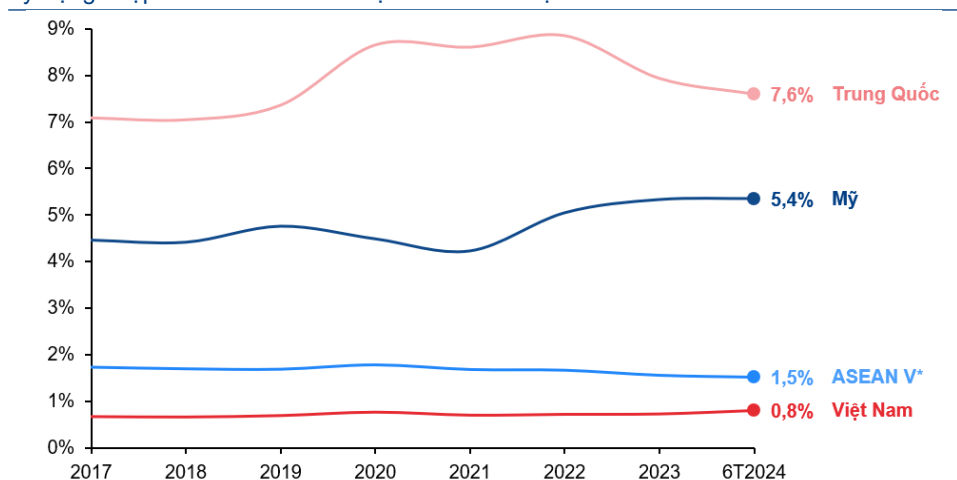
Vào đầu tháng 10/2024, Trung Quốc đã công bố các biện pháp CBPG đối với rượu nhập khẩu từ EU (Mời xem: [Trade tensions rise as EU, China impose tariffs](#), tháng 10/2024, France 24). Mặc dù không ngạc nhiên, nhưng những biện pháp này làm gia tăng căng thẳng giữa EU và Trung Quốc, khi cả hai bên cáo buộc lẫn nhau về cạnh tranh không lành mạnh và chủ nghĩa bảo hộ. EU cũng đang điều tra các khoản trợ cấp của Trung Quốc cho tấm pin mặt trời và tua-bin gió, trong khi Trung Quốc đang điều tra các khoản trợ cấp của EU đối với sữa & thịt lợn xuất khẩu, điều này có thể làm gia tăng căng thẳng thương mại giữa hai bên.

Mặc dù mức độ căng thẳng giữa EU và Trung Quốc (Trung Quốc vẫn duy trì mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với EU kể từ năm 2003) sẽ không bằng cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, chúng tôi cho rằng những căng thẳng này có thể sẽ là động lực tăng trưởng cho các sản phẩm made-in-Vietnam giành thêm thị phần ở thị trường EU. Mặc dù hiệp định EVFTA đã có hiệu lực từ năm 2020 nhưng thị phần của Việt Nam trong KNNK của EU vẫn chỉ ở mức khoảng 0,8%, không có nhiều tiến bộ so với mức 0,7% vào năm 2017 (Biểu đồ 11).

Lưu ý rằng kể từ cuộc chiến tranh thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ vào tháng 1/2018, thị phần của Việt Nam trong KNNK của Mỹ đã tăng gần gấp đôi, từ 2% năm 2017 lên 3,9% trong 6 tháng đầu năm 2024 (Biểu đồ 12).

Biểu đồ 11: Thị phần nhập khẩu tại EU (2023)

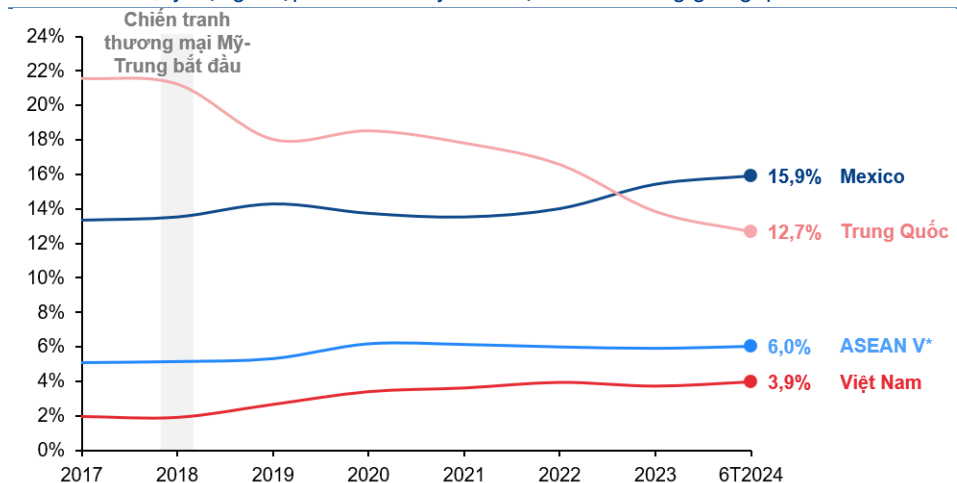
Tỷ trọng nhập khẩu vào EU của Việt Nam ít cải thiện từ năm 2017



Nguồn: IMF, HSC

Biểu đồ 12: Thị phần nhập khẩu tại Mỹ

Từ năm 2018, tỷ trọng nhập khẩu vào Mỹ của Việt Nam đã tăng gần gấp đôi



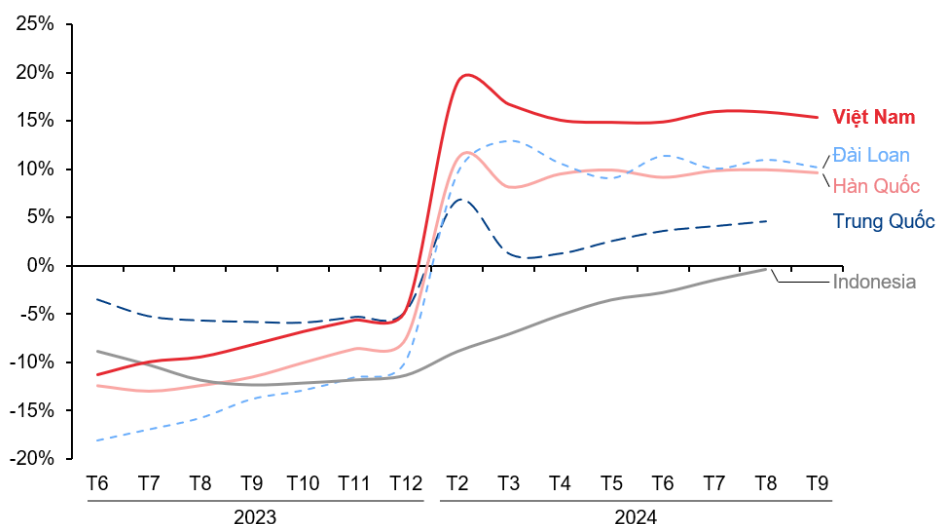
Nguồn: IMF, HSC

Phụ lục:

Tăng trưởng thương mại của Việt Nam so với các quốc gia trong khu vực

Biểu đồ 13: Tăng trưởng KNXK tại một số nền kinh tế (từ đầu năm y/y)

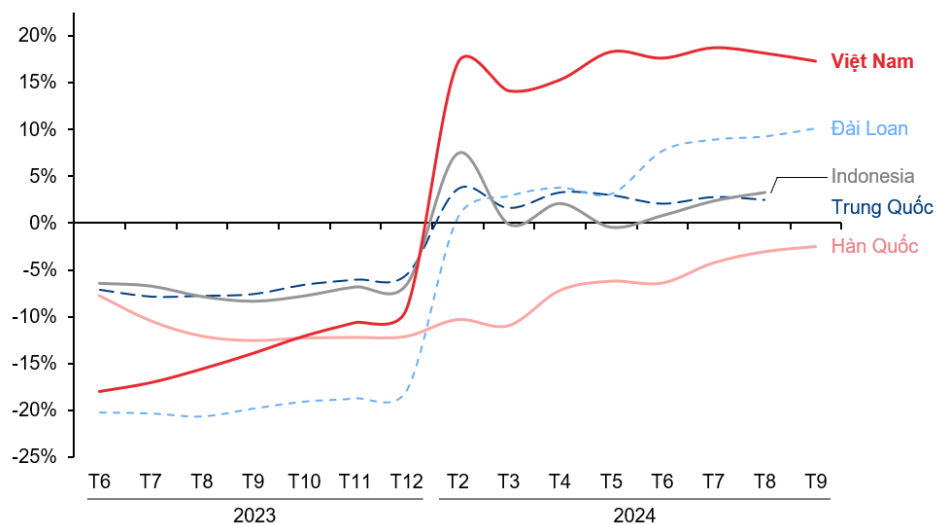
Tăng trưởng KNXK từ đầu năm của VN tiếp tục vượt trội hơn các nước trong khu vực



Nguồn: CEIC, Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 14: Tăng trưởng KNNK tại một số nền kinh tế (từ đầu năm y/y)

Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng KNNK từ đầu năm cao hơn nhiều so với các quốc gia trong khu vực

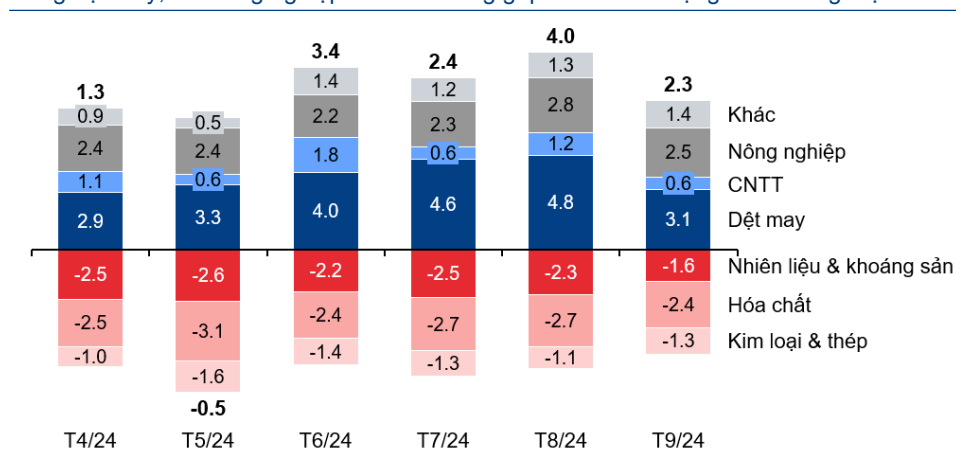


Nguồn: CEIC, Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cơ cấu cán cân thương mại theo sản phẩm & quốc gia đối tác

Biểu đồ 15: Cán cân thương mại theo nhóm sản phẩm

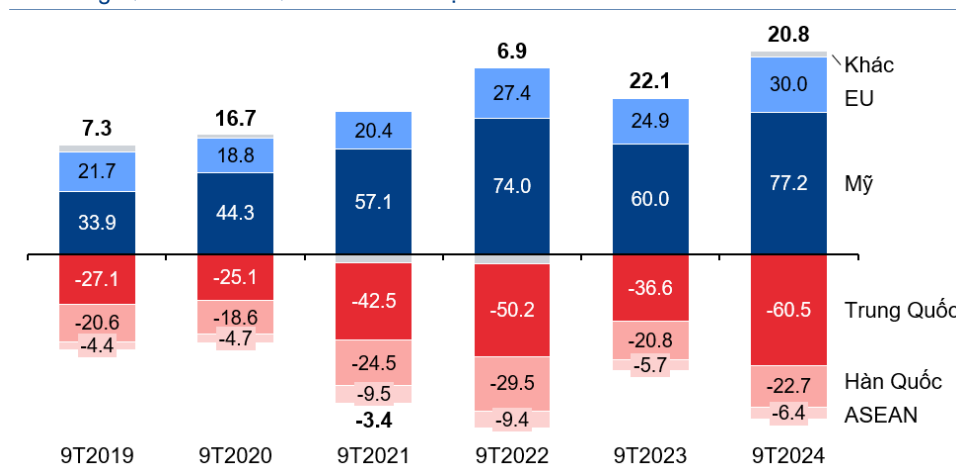
Hàng dệt may, SP nông nghiệp & CNTT đóng góp chính vào thặng dư thương mại



Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 16: Cán cân thương mại theo các quốc gia đối tác

Việt Nam liên tục duy trì thặng dư thương mại với Mỹ và EU trong khi cán cân thương mại với Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn thâm hụt

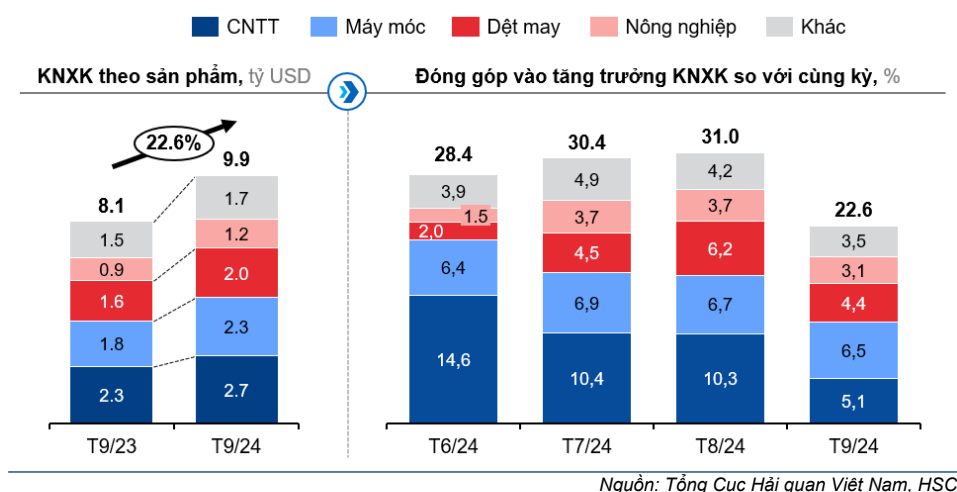


Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cơ cấu các thị trường xuất khẩu & thị trường nhập khẩu trọng điểm theo sản phẩm

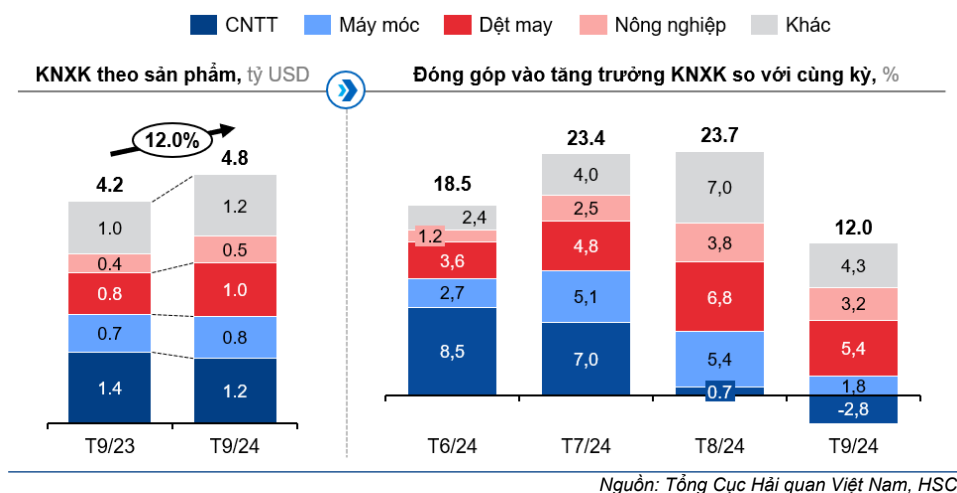
Biểu đồ 17: KNXK sang thị trường Mỹ theo sản phẩm

KNXK sang Mỹ tiếp tục tăng trưởng vững chắc, dẫn dắt bởi sản phẩm CNTT & máy móc



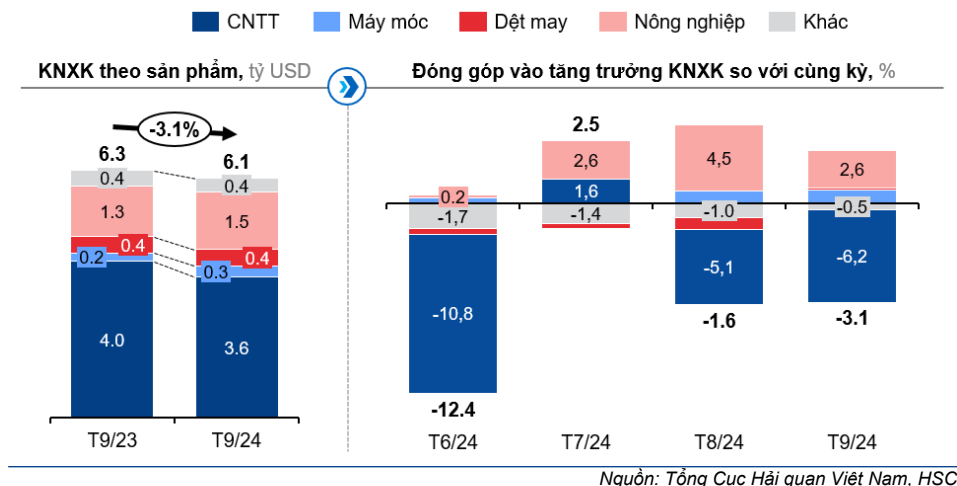
Biểu đồ 18: KNXK sang thị trường EU theo sản phẩm

KNXK sang EU duy trì vững chắc trong tháng 9, dẫn dắt bởi nhóm hàng dệt may



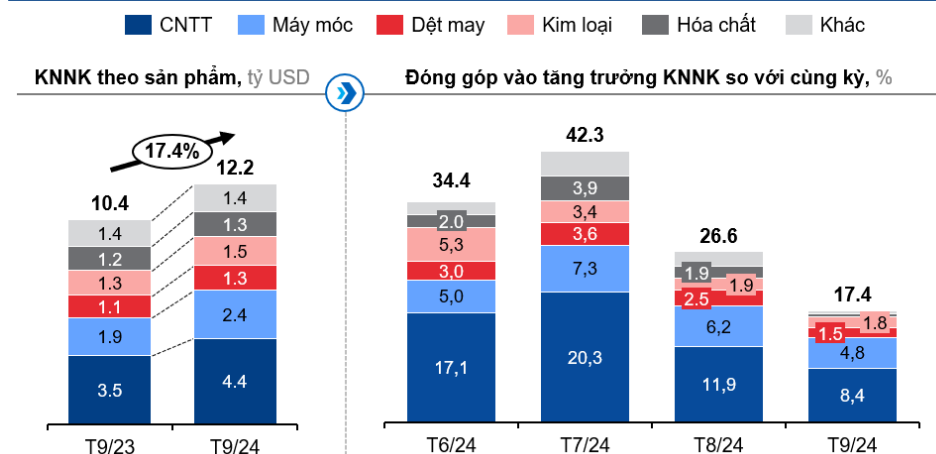
Biểu đồ 19: KNXK sang thị trường Trung Quốc theo sản phẩm

KNXK sang Trung Quốc giảm trong tháng 9, chủ yếu do xuất khẩu sản phẩm CNTT giảm



Biểu đồ 20: KNNK từ Trung Quốc theo sản phẩm

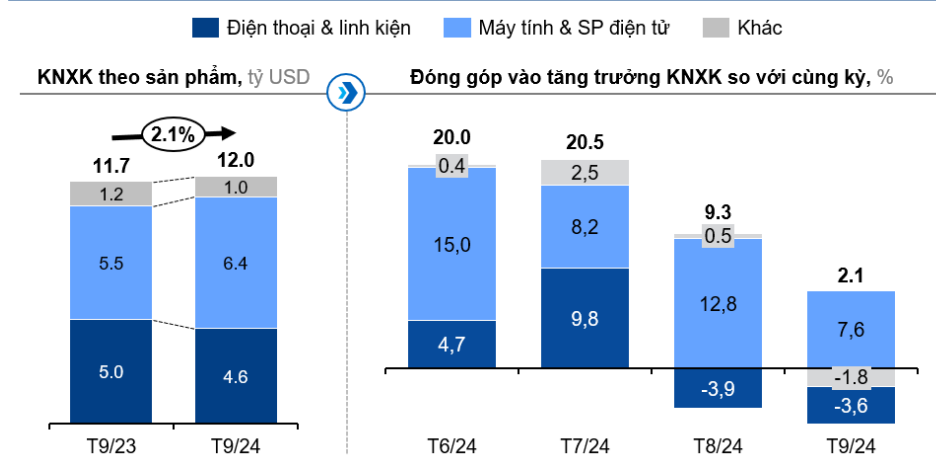
KNNK từ Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh, dẫn đầu bởi nhóm sản phẩm CNTT & máy móc



Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cơ cấu các nhóm ngành xuất khẩu chính**Biểu đồ 21: KNXK ngành CNTT theo sản phẩm**

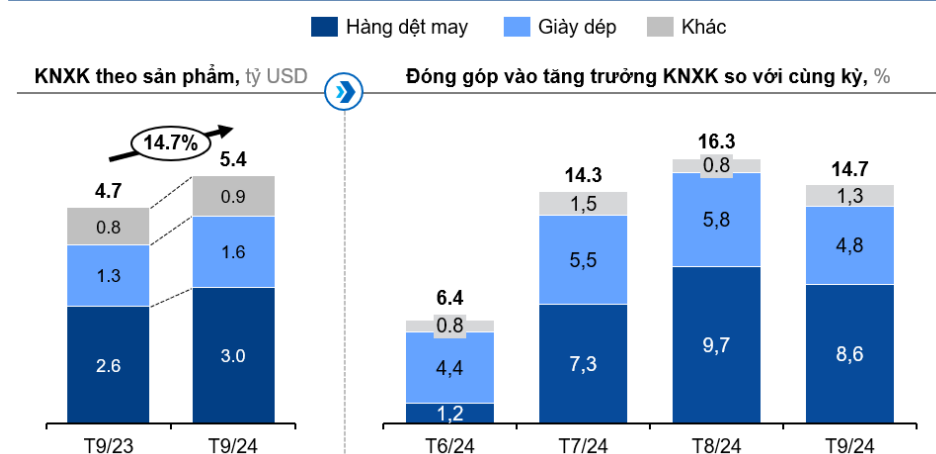
KNXK điện thoại & linh kiện giảm so với cùng kỳ tháng thứ 2 liên tiếp



Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 22: KNXK ngành Dệt may theo sản phẩm

KNXK các sản phẩm dệt may duy trì vững chắc trong tháng 9



Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Bảng 23: Số liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024F	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	24,950	24,850	24,750
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,418	3,451	3,438
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	6.68	6.50	6.50
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	454	503	553
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,487	4,922	5,371
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.50	4.40	4.97	4.52
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	39.8	39.9	39.0	38.2
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	36.8	36.7	36.1	35.5
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	3.76	3.08	4.46	3.53	2.80	2.56
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	137.1	141.8	146.1
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.30	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.8	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	3.2	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.25	4.25
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.5	3.5	3.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	18,079	20,248	22,678
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	13.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	90	105	121
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.6	3.0	3.1
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.2	27.1	30.1
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20.0	25.0	25.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	384	430	477
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	17.5	12.0	11.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	408	457	507
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	15.0	12.0	11.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	166	181	196
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	36.0	35.4
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.3	28.3	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	36.6	39.9	43.5	47.8
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	50.9	52.0	51.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.1	9.0	9.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.0	10.0	9.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	8.0	8.5	8.5
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.6	9.0	9.0	9.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-1) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn